

# **Po Cei Brei sang Kampuchia cầu cứu viện trợ vào năm 1795-1796**

Ts. Mak Phoeun  
(Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp)

Vào thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ X, Champa là một vương quốc rất hưng thịnh nằm trên dải đất miền Trung Việt Nam, chạy dài từ mũi Hoàng Sơn ở phía Bắc đến vùng Đồng Nai ở phía Nam. Một khi thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa vào năm 993 và nhất là không thể bành trướng đất đai về phía Trung Quốc, Đại Việt lại tìm cách tỏa xuống về phía Nam. Dựa trên chủ thuyết «biên giới năng động» (*conception dynamique des frontières*) và luôn luôn dòm ngó phần đất ở phía Nam, vua chúa Đại Việt thường xuyên khiêu khích với quốc gia láng giềng gần nhất của mình, đó là vương quốc Champa. Thế là kể từ năm 993, sự khiêu khích này biến thành những cuộc tranh chấp liên tục giữa hai dân tộc Việt và Champa không cùng một nền văn minh. Người Việt hấp thụ văn hóa Trung Hoa, trong khi đó dân tộc Champa ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ Giáo.

Trước sự hiếu chiến của Đại Việt, vương quốc Champa buộc phải lui dần biên giới về phía Nam vào cuối thế kỷ thứ X. Đây cũng là thời kỳ đánh dấu ngày ra đời của chính sách Nam Tiến, tức là chính sách xâm chiếm đất đai về phía Nam của dân tộc Việt. Các tài liệu bia ký cho rằng trước sự đe dọa quân sự thường xuyên của Đại Việt, vương quốc Champa buộc phải dời thủ đô từ Indrapura (Trà Kiệu) về phía Nam, để thành lập tân thủ đô Vijaya tại Bình Định vào năm 1000. Tuy rằng vua Champa đã nhượng bộ một phần lãnh thổ ở phương Bắc của mình cho Đại Việt, nhưng sự xung đột vũ trang giữa hai nước vẫn không ngừng diễn biến. Và mỗi lần xung đột thì có sự biến đổi biên giới, nhưng sự biến đổi này lúc nào cũng có lợi cho Đại Việt.

Để trừng phạt ý đồ thôn tính đất đai của Đại Việt, Chế Bồng Nga đã nhiều lần đem quân chinh phạt thành Thăng Long (khoảng 1360-1390). Sau khi Chế Bồng Nga tử trận, vua Lê Thánh Tông ra lệnh xâm chiếm thủ đô Vijaya vào năm 1471, tha hồ tù đầy và trù dập những phần tử trung thành với Chế Bồng Nga, tàn phá tất cả những dấu tích văn hóa và đền đài của Champa. Sự thảm họa và điên cuồng của chiến tranh đã xảy ra tại thủ đô Vijaya là điềm báo hiệu cho thời kỳ suy tàn của nền văn hóa Ấn Độ tại khu vực phương Bắc của Champa. Trong văn bản lịch sử Khơme cũng ghi lại rằng sau khi Đại Việt giành được chủ quyền tại Vijaya, dân chúng của vương quốc này, vì không chấp nhận chính sách cai trị của ngoại bang, phải bỏ đất nước ra đi lánh nạn tại xứ Cao Miên.

Mặc dù Vijaya bị thất thủ, nhưng vương quốc Champa vẫn còn hiện hữu ở phía Nam bao gồm tiểu vương quốc Kauthara và Panduranga. Tiếc rằng, sau năm 1471, các tiểu vương quốc Champa ở miền Nam này lại trở thành nạn nhân Nam Tiến của Đại Việt. Chủ đích bành trướng đất đai ở phía Nam của Đại Việt bắt nguồn từ sự xung đột nội chiến giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Vì không kháng cự nổi với chúa Trịnh ở phương Bắc, chúa Nguyễn tìm cách lấn dần đất đai ở phía Nam, tức là Champa để sát nhập vào lãnh thổ của mình.

Sau những đợt xua quân chiếm đóng Champa của chúa Nguyễn vào năm 1692, dân tộc Champa vùng dậy chống sự xâm lăng ngoại bang vào năm 1693. Mãi đến năm 1694 triều đình chúa Nguyễn mới chấp nhận rút quân ra khỏi Champa nhưng quyết định thành lập phủ Bình Thuận trong biên giới của vương quốc này. Từ đó, nước Champa bị thu hẹp và suy yếu dần. Đất đai Champa chỉ tập trung vào tiểu vương quốc Panduranga. Với làn sóng di dân đến cư ngụ ở Champa ngày càng đông, người Việt của phủ Bình Thuận tìm cách tái lập các khu vực cư dân riêng biệt xen kẽ giữa những cư dân Champa. Họ hoàn toàn sống ngoài vòng kiểm soát của chính quyền Panduranga thời đó. Hoàn cảnh này cho phép chúng ta tiên đoán sớm muộn gì, tiểu vương quốc Panduranga sẽ không còn nữa trong một ngày nào đó.

Vào những năm 1783-1786, Pô Cei Brei lên ngôi ở Pandaranga, nơi đang diễn ra bao chiến tranh khùng khiếp giữa hai lực lượng đối phương

của người Việt đó là Nguyễn Ánh và Tây Sơn trong suốt hơn 30 năm (1771-1802). Chính vì không chấp nhận bối cảnh chính trị rối loạn và phức tạp này, đồng thời để thoát khỏi ách thống trị ngoại bang Việt Nam từ cả hai phía, Pô Cei Brei bị đẩy vào tình thế phải từ bỏ vai trò lãnh đạo của mình, để tìm nơi ẩn trú cùng gia đình và quân đội của ông ta ở Kompong Cham thuộc Cao Miên. Sau đó ông ta về định cư vĩnh viễn tại vùng Rong Damrei (sau này trở thành tỉnh Tây Ninh) vào năm 1812, như hai bản văn viết bằng tiếng Chăm : Cam 37 và Cam 39 (38) thường nhắc đến<sup>1</sup>.

Sự nổi dậy của quân Tây Sơn kéo theo nhiều biến đổi chính trị trong đất nước Việt. Ở phía Bắc, những người kế thừa vua Lê và chúa Trịnh đều bị tiêu diệt. Ở phía Nam, triều đình nhà Nguyễn đang bị đe dọa bởi quân Tây Sơn. Nếu Tây Sơn thành công thống nhất đất nước, dù kiện này cũng không đem lợi ích chính trị gì cho hai nước láng giềng phía Nam, đó là Panduranga-Champa và Cao Miên. Ngược lại, tình trạng hỗn loạn do chiến tranh gây ra giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn cũng để lại những hậu quả càng thảm hại hơn cho hai vương quốc Panduranga-Champa và Cao Miên.

Ai cũng biết, vùng đất Panduranga-Champa là nơi đã diễn ra bao chiến trường đẫm máu giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, để rồi trở thành một quốc gia hoàn toàn bất lực trước sự vi phạm, xung đột biên giới thường xuyên xảy ra trên lãnh thổ của mình. Cuối cùng, mảnh đất này bị Tây Sơn và Nguyễn Ánh thay phiên nhau chiếm đóng và đưa dân tộc Champa phải chấp nhận bao hậu quả tan thương mặc dù họ chẳng dính dáng gì đến chuyện tranh chấp giữa hai thế lực thù địch Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Ngoài ra, dân tộc Champa đã phải gánh chịu cách phân biệt đối xử, những lạm thu, những ngược đãi mà quân Tây Sơn và Nguyễn Ánh dành cho họ.

---

<sup>1</sup> Mohamad Zain bin Musa, *Contribution à l'histoire du Panduranga-Campa : La fuite du Po Ci Bri*, Luận phó tiến sĩ, EPHE, Paris, 1990.

Xem thêm, Po Dharma « Etudes Cam V. A propos de l'exil d'un roi cam au Cambodge », trong *BEFEO LXXII*, p. 253-266.

Chính vì hoàn cảnh bi đát đó, Pô Cei Brei phải lìa bỏ thủ đô Champa và chức tước ra đi tìm nơi ẩn náu, đem theo tất cả những người trung thành của mình, trước tiên là vào khu vực Đồng Nai, sau cùng là đất Cao Miên.

Mặc dù có sự nổi dậy của quân Tây Sơn, vương quốc Cao Miên không thể nào làm giảm tiềm lực lấn ép của Nguyễn Ánh ở khu vực đồng bằng Cửu Long. Bị kềm kẹp giữa hai gọng kiềm từ thế kỷ thứ XVII bởi quân Xiêm ở phía Tây và quân nhà Nguyễn ở phía Đông, vương quốc Cao Miên lại rơi vào vòng khốn đốn chiến tranh như nước láng giềng của mình, đó là Champa. Trước tình hình nội chiến liên tục ở Việt Nam, nước Cao Miên trở nên bất lực không ngân chặn nổi chính sách của Nguyễn Ánh tìm cách xâm chiếm đồng bằng sông Cửu Long để làm mật khu để ẩn trú và tìm nguồn cung cấp về nhân lực và vật lực hầu chuẩn bị chiến tranh chống Tây Sơn ở phía Bắc. Đặc biệt nữa, phần đất này lại là nơi dung thân của quần chúng người Việt chạy trốn vì chiến tranh và sự nghèo đói. Cũng như thông lệ, các phần tử di cư này về sau không bao giờ chịu dời gót ra khỏi đất nước Cao Miên; ngược lại họ định cư vĩnh viễn ở nơi đó. Sự kiện này đã trở thành một phương thức cổ điển là địa bàn cư dân Việt đã làm thay đổi hẳn bộ mặt «biên giới» rất thiết thòi cho phía Khome. Lợi dụng sự đón tiếp nồng hậu của Cao Miên, Nguyễn Ánh dùng hòn đảo của người Khome trong vịnh Xiêm La (Thailand) vào năm 1785 để đưa người Việt sang lánh nạn, để rồi sau đó ông ta chiếm đoạt luôn hòn đảo này. Chúng ta thấy rằng từ những biến loạn ấy, đất nước Khome phải mất những khu vực rộng lớn của miền Hạ Cao Miên mà quốc vương Gia Long đã sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam một khi ông ta đã ngồi vững trên ngai vàng vào năm 1802. Cuối cùng chúng ta đều nhận thấy rằng, cuộc chiến giữa hai anh em thù địch Tây Sơn-Nguyễn Ánh cũng không ngăn cản dân Việt tiếp tục chính sách bành trướng xâm lấn đất đai Cao Miên.

Sau 9 năm ẩn náu ở vùng đất Đồng Nai Thượng, Pô Cei Brei dẫn theo những người trung thành với mình tìm đường sang Cao Miên vào năm 1795-1796. Họ định cư đầu tiên tại Roka Po Pram thuộc tỉnh Thbang Khmum, tức Kompong Cham, một địa danh rất quen thuộc với các bản văn lịch sử Khome, nơi quy tụ các sinh hoạt thường xuyên của người

Chăm và Mã Lai theo Hồi Giáo. Một khi đến Cao Miên, đoàn di cư của Pô Cei Brei gặp lại những người đồng hương đã đến đây tìm nơi ẩn trú sau các biến cố trước đây. Đây không phải là lần đầu tiên mà dân tộc Champa di cư sang Cao Miên. Trước đó đã có những đợt di cư trong quá trình lịch sử Champa như vào năm 1471 và 1692. Những đợt di dân khác của người Chăm Panduranga cũng đã xảy ra sau đó vào năm 1835 chẳng hạn.

Trong thời gian 17 năm, Pô Cei Brei và các người trung thành của ông ta sống yên ổn tại xứ sở Khome. Tiếc rằng, sự tham vọng của người Xiêm, với ý đồ xâm lăng Cambodge cũng như ý định chiếm lấy các tỉnh của Khome là Battambang, Angkor và Kampong Svay đã đưa quan hệ giữa triều đình Ondong và Bangkok vào một khúc quanh mới. Trước biến cố này, vua Khome là Ang Chan (1797-1834) tuy được tấn phong tại Bangkok, tìm cách xa dần ảnh hưởng của Xiêm La để tìm chỗ dựa vào triều đình Huế. Tiếp theo là người em của nhà vua Ang Snguon, rời thủ đô Ondong đến ở Pursat, tìm cách nổi loạn chống quân Xiêm La vào đầu năm 1812. Triều đình Bangkok lập tức gửi quân đến Cao Miên để chinh phạt nhóm phản loạn này. Về phía Việt Nam, Gia Long cũng gửi quân lính của họ đến hỗ trợ nhà vua Cao Miên. Quân lính Xiêm tấn công ô ạt quân Khome vào tháng 4-1812 và tiến đến thủ đô Ondong. Vua Ang Chan của Cao Miên buộc lòng phải bỏ thủ đô để rút về Deng Eth để tá túc. Cuộc tấn công của quân Xiêm cũng xua đuổi Pô Cei Brei và thuộc hạ ra khỏi Roka Po Pram và buộc ông ta một lần nữa phải lên đường với vua Ang Chan đi tìm nơi ẩn trú trong tỉnh Rong Damrei (Tây Ninh). Pô Cei Brei phải sống trong tỉnh này cho đến ngày tạ thế.

Hai bản văn Cam 37 và Cam 39 (38) liên quan đến Pô Cei Brei sang lánh nạn ở Cao Miên là đề tài đã cho chúng ta thấy rằng lịch sử các nước thuộc bán đảo Đông Dương có nhiều sự liên hệ với nhau. Tuy nhiên, văn bản lịch sử của mỗi nước thường mô tả cùng một biến cố có tầm quan trọng khác nhau nhằm để bảo chữa quan điểm của nước ấy, đôi lúc không trung thật và chứa chấp nhiều thiên vị. Do đó, vấn đề cần thiết cho các nhà nghiên cứu phải dè dặt, cân nhắc, đối chiếu giữa các văn bản lịch sử xuất phát từ các nguồn tư liệu, dù từ Việt Nam đến Cambodge, Xiêm La hay

Champa, và cũng không quên những văn bản có nguồn gốc từ các nước khác như Trung Quốc hay Tây Phương, hầu để kiểm chứng tính xác thực của nội dung. Dựa trên phương pháp đối chiếu các nguồn tư liệu này, chúng ta mới có thể bổ sung được những sự thiếu sót trong giai đoạn lịch sử nhất định của mỗi nước, và đặt lại cho đúng vị trí của nó trong sự kiện lịch sử.

Cam 37 và Cam 39 (38) là hai văn bản duy nhất kể lại cốt truyện Po Cei brei, vị lãnh tụ của một quốc gia đã bị xóa tên trên bản đồ Đông Dương, một lãnh tụ phải đương đầu với bao nhiêu khốn cực trong quá trình lưu vong trên đất nước Cambodge. Chúng tôi tin rằng, hai văn bản này đã đem lại những yếu tố rất đáng được chú ý, vì nó giúp chúng ta hiểu thêm về lịch sử Champa, một quốc gia ở phía Đông của bán đảo Đông Dương vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. Cùng nhờ văn bản này, chúng ta biết được tại sao có làn sóng lánh nạn của dân chúng Panduranga-Champa đến Cao Miên qua nhiều giai đoạn bằng đường bộ, hoặc đường biển. Cùng qua nội dung văn bản này, chúng ta có thể biết một cách chính xác hơn quá trình định cư của dân chúng Panduranga-Champa ở tỉnh Rong Damrei (Tây Ninh), sau này bị sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam. Việc rất đáng chú ý thêm nữa là bản văn Cam 27 có nhắc đến sự hiện diện của vị vua Khome, Ang Chan trong tỉnh Rong Damrei (Tây Ninh) trước khi ông ta đến Bến Nghé (Sài Gòn) và lưu lại ở đây một tháng. Đây là một thông tin quan trọng. Vì văn bản này cho chúng ta hiểu rõ lộ trình vị vua Khome trong quá trình lánh nạn tại nước Việt, một khi quân Xiêm tấn công Cao Miên vào năm 1812. Mặt khác, bản văn Cam 39 (38) còn ghi lại những biến cố sau năm 1812, tức là vào năm 1823-1824, hoặc 1835-1836 liên quan đến việc nổi dậy của dân địa phương chống lại người Việt trong tỉnh Rong Damrei (Tây Ninh). Đó là cuộc nổi dậy của người Khome và hai cuộc nổi dậy khác của người Chăm. Nguyên nhân của cuộc vùng dậy này chắc chắn là có liên hệ trực tiếp với sự toan tính của người Việt nhằm xâm chiếm Tây Ninh, lúc đó vẫn là lãnh thổ của Cao Miên.